

Bản án số: 21/2018/ST-HNGĐ

Ngày 28/6/2018

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miên

2. Ông Tô Hùng Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Danh H, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp LG, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

Bị đơn: chị Thạch Thị Hn, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp LG, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2018, các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn – anh Danh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Thạch Thị Hn tự nguyện chung sống vào năm 1986, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian khoảng 03 năm trở lại đây thì anh và chị Hn luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, chị Hn còn ăn nhậu bê tha, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị vẫn không thay đổi. Thực tế anh và chị Hn đã ly thân hơn 02 năm nay. Vì vậy, nay anh yêu cầu ly hôn với chị Hn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống anh với chị Hn có 01 con chung tên tên Danh Thị Cẩm T, sinh năm 1988 (đã trên 18 tuổi), tạo lập cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định tài sản chung là nhà và đất hiện nay chị Hn đang quản lý. Tuy nhiên, anh và chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn – chị Thạch Thị Hn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án này. Không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Danh H và chị Thạch Thị Hn.

- Về con chung: đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Anh Danh H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Anh Danh H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị Hn. Xét chị Hiện cư trú tại huyện Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Chị Thạch Thị Hn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Danh H và chị Thạch Thị Hn tự nguyện chung sống vào năm 1986, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng của anh H và chị Hn được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nên theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Hn là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh H và chị Hn phát sinh do luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung do chị Hn thường xuyên ăn nhậu, anh H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị vẫn không thay đổi, thực tế đã ly thân hơn 02 năm nay. Qua xác minh tại địa phương thì xác định anh H không thường xuyên sinh sống cùng chị Hn tại địa phương. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Hn nhưng

chị không đến tham dự và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, điều này cho thấy ý chí của chị Hn không muốn hàn gắn mối quan hệ với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Hn.

[4] *Về con chung*: anh H với chị Hn có 01 con chung tên là Danh Thị Cẩm Tú, sinh năm 1988 (đã trên 18 tuổi), đã tạo lập cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về con chung.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung.

[6] *Về án phí*: anh H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Danh H đối với chị Thạch Thị Hn.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: anh Danh H phải chịu 300.000 đồng, anh H đã tạm dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003918 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- UBND thị trấn hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

LỮ VĂN TUẤN